

Mẫu CBTT/SGDHCM-02  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của  
TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062 Fax: 028.39203060
- Email: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính năm 2023 đã được soát xét.

3. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/03/2024 tại đường dẫn : [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
- BCTC năm 2023

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



LÊ VĂN NĂM



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng  
Ông Lê Văn Năm  
Ông Nguyễn Văn Chung  
Ông Nguyễn Quốc Việt  
Ông Shigeru Ezure

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2023)

**Ban Kiểm soát**

Ông Tạ Duy Linh  
Bà Phan Thị Hoàng Giang  
Bà Vũ Thị Mai Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Năm  
Ông Nguyễn Điền Phước Chân  
Ông Nguyễn Duy Hưng  
  
Ông Nguyễn Hoàng Thành

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính  
(từ ngày 1 tháng 2 năm 2023)  
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh  
(từ ngày 1 tháng 8 năm 2023)

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính trong đó trình bày rằng số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 đã được trình bày lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không thay đổi do vấn đề này.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00277-24-1



  
Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Điều chỉnh lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.726.186.325.353</b>	<b>1.663.689.832.459</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>161.948.859.873</b>	<b>113.688.426.865</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>505.870.000.000</b>	<b>542.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	505.870.000.000	542.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>298.207.985.116</b>	<b>154.023.035.572</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	226.235.961.600	104.918.312.223
Trả trước cho người bán	132	7	37.367.915.388	15.283.671.749
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	35.793.437.090	35.206.209.646
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.189.519.776)	(1.385.348.860)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		190.814	190.814
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>643.252.164.220</b>	<b>759.923.693.703</b>
Hàng tồn kho	141		646.962.409.150	762.361.766.819
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.710.244.930)	(2.438.073.116)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>116.907.316.144</b>	<b>94.054.676.319</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.820.706.142	7.619.881.612
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	112.086.610.002	86.434.794.707

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND (Điều chỉnh lại)</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>707.319.377.892</b>	<b>752.899.975.911</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.332.346.253</b>	<b>6.446.607.832</b>
Phải thu dài hạn khác	216		5.332.346.253	6.446.607.832
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>332.029.868.951</b>	<b>383.026.287.329</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	274.686.605.679	316.506.731.681
Nguyên giá	222		1.240.959.152.322	1.214.625.354.200
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(966.272.546.643)	(898.118.622.519)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	49.628.150.449	58.657.025.451
Nguyên giá	225		66.298.132.171	67.293.743.316
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.669.981.722)	(8.636.717.865)
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.715.112.823	7.862.530.197
Nguyên giá	228		39.176.827.529	38.720.827.529
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.461.714.706)	(30.858.297.332)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>87.038.607.873</b>	<b>85.392.592.894</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	87.038.607.873	85.392.592.894
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>250.418.554.815</b>	<b>245.534.487.856</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	209.297.352.549	208.962.544.020
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	3.430.945.794	3.267.024.817
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	37.690.256.472	33.304.919.019
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.433.505.703.245</b>	<b>2.416.589.808.370</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Điều chỉnh lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.489.037.435.221</b>	<b>1.493.529.975.107</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.467.423.205.920</b>	<b>1.448.046.547.087</b>
Phải trả người bán	311	18	212.941.446.259	85.499.292.438
Người mua trả tiền trước	312		12.145.154.517	42.583.110.537
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	8.215.049.025	9.390.489.164
Phải trả người lao động	314		94.504.823.120	104.320.991.505
Chi phí phải trả	315	20	25.941.408.583	16.519.937.088
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.453.639.129	5.677.998.486
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.071.746.855.052	1.149.448.452.161
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	10.128.016.370	9.220.293.701
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	27.346.813.865	25.385.982.007
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.614.229.301</b>	<b>45.483.428.020</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.909.600.000	1.409.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	19.704.629.301	44.073.828.020
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>944.468.268.024</b>	<b>923.059.833.263</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>944.468.268.024</b>	<b>923.059.833.263</b>
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		355.111.097.634	311.688.100.054
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.055.401.166	145.069.963.985
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.853.056.978	(11.317.625.475)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		115.202.344.188	156.387.589.460
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.433.505.703.245</b>	<b>2.416.589.808.370</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân  
 Phó phòng Kế toán - Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng	01	29	3.593.413.239.932	3.835.776.645.881
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	408.466.115.750	437.078.675.570
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>3.184.947.124.182</b>	<b>3.398.697.970.311</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	2.751.194.753.012	2.915.290.425.197
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>433.752.371.170</b>	<b>483.407.545.114</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	58.480.712.131	66.015.175.783
Chi phí tài chính	22	32	75.699.974.756	94.415.862.380
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		59.363.089.266	53.135.288.168
Chi phí bán hàng	25	33	202.036.520.285	190.997.609.265
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	60.686.917.845	59.033.207.071
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>153.809.670.415</b>	<b>204.976.042.181</b>
Thu nhập khác	31		537.950.487	1.153.259.411
Chi phí khác	32		22.726.668	1.259.488.316
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>515.223.819</b>	<b>(106.228.905)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>154.324.894.234</b>	<b>204.869.813.276</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	39.286.471.023	48.250.361.016
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(163.920.977)	231.862.800
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>115.202.344.188</b>	<b>156.387.589.460</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.231	3.029

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân  
Phó phòng Kế toán - Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND (Điều chỉnh lại)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>154.324.894.234</b>	<b>204.869.813.276</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		85.660.380.369	91.336.873.120
Các khoản dự phòng	03		21.527.950.667	13.406.970.732
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.594.422.072)	2.042.177.144
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(43.599.412.080)	(53.921.218.403)
Chi phí lãi vay	06		59.363.089.266	53.135.288.168
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>275.682.480.384</b>	<b>310.869.904.037</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(142.977.631.151)	(14.809.422.815)
Biến động hàng tồn kho	10		111.014.020.216	(86.930.030.675)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		105.389.734.871	(110.945.879.782)
Biến động chi phí trả trước	12		2.158.383.882	(2.849.938.878)
			<b>351.266.988.202</b>	<b>95.334.631.887</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.112.126.265)	(52.761.555.243)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.886.397.156)	(55.970.440.271)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.543.885.268)	(7.041.703.799)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>231.724.579.513</b>	<b>(20.439.067.426)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(80.293.360.745)	(203.064.447.799)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		71.424.074	62.763.937
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(505.870.000.000)	(629.800.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		542.000.000.000	889.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		39.987.215.789	44.815.299.671
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.104.720.882)</b>	<b>101.813.615.809</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Code	Note	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.287.850.478.395	2.779.383.228.580
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.378.884.792.553)	(2.788.015.513.057)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10.920.855.498)	(8.207.431.806)
Tiền trả cổ tức	36		(79.001.901.900)	(69.706.145.475)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(180.957.071.556)</b>	<b>(86.545.861.758)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>46.662.787.075</b>	<b>(5.171.313.375)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>113.688.426.865</b>	<b>119.156.485.767</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>1.597.645.933</b>	<b>(296.745.527)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>161.948.859.873</b>	<b>113.688.426.865</b>

**Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi tiền gửi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính nhập gốc	-	12.200.000.000
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	10.103.488.235	32.429.629.919

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân  
 Phó phòng Kế toán - Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2023	1/1/2023
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1.244 nhân viên (1/1/2023: 1.339 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Chi phí bảo hành**

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(s) Thuê**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(t) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

## Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### (v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### (w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## 4. Tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	4.262.239.528	2.685.788.481
Tiền gửi ngân hàng	157.686.620.345	111.002.638.384
	<hr/>	<hr/>
	161.948.859.873	113.688.426.865

## 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 9,5% (1/1/2023: 6,75% đến 7,25%).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Chea Se	20.346.905.790	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	13.616.133.177	16.311.737.371
Naseem Al Rafaidain Trading LLC	8.209.340.330	-
Romisa Trading Enterprises	8.192.755.379	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đầu tư và Thương mại Toàn Phát	7.181.743.195	-
Công ty TNHH Ác quy Vĩnh Phúc	7.849.128.960	11.972.931.840
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Hiệp Phát	7.035.484.476	-
Faith Chemical Enterprises	4.718.324.266	4.904.002.883
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải - Kia	3.192.989.760	11.839.966.560
Công ty Cổ phần Sản xuất Ô tô Hyundai Thành Công VN	2.375.178.120	8.406.330.120
Công ty TNHH Ác quy Thái Yên	1.903.332.881	5.018.282.483
Các khách hàng khác	141.614.645.266	46.465.060.966
	<hr/>	<hr/>
	226.235.961.600	104.918.312.223
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**7. Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sorfin Yoshimura Tokyo, Ltd	9.681.067.550	565.503.200
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico	6.110.462.121	961.064.673
Better Technology Group Limited	5.942.565.156	-
Công ty TNHH Việt Hồng	957.692.736	912.088.320
Các nhà cung cấp khác	14.676.127.825	12.845.015.556
	<hr/>	<hr/>
	37.367.915.388	15.283.671.749
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước cho thuê tài chính	3.661.331.251	5.606.868.901
Phải thu lãi tiền gửi	30.812.895.506	27.272.123.289
Tạm ứng cho nhân viên	1.285.342.792	2.317.781.598
Phải thu khác	33.867.541	9.435.858
	35.793.437.090	35.206.209.646
	35.793.437.090	35.206.209.646

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
	Từ 6 tháng đến 1 năm			
Faith Chemical Enterprises Công ty Cổ phần Việt Nam		1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	409.345.773	(278.151.154)	131.194.619
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		2.614.654.207	(1.189.519.776)	1.425.134.431

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises Công Ty Cổ Phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.147.756.771	(644.327.030)	1.503.429.741
	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.443.161.910	(626.069.830)	817.092.080
		3.705.870.681	(1.385.348.860)	2.320.521.821

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.385.348.860	1.204.876.660
Số trích lập trong năm	241.870.988	180.472.200
Số hoàn nhập trong năm	(437.700.072)	-
Số dư cuối năm	1.189.519.776	1.385.348.860



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	143.010.086.763	-	19.378.803.450	-
Nguyên vật liệu	157.937.335.874	-	235.292.755.559	-
Công cụ và dụng cụ	8.504.070.966	-	12.856.978.717	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	148.916.680.298	-	165.370.125.540	-
Thành phẩm	188.591.824.518	(3.710.244.930)	329.460.692.822	(2.438.073.116)
Hàng hóa	2.410.731	-	2.410.731	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>646.962.409.150</b>	<b>(3.710.244.930)</b>	<b>762.361.766.819</b>	<b>(2.438.073.116)</b>
<b>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>	<b>37.690.256.472</b>	<b>-</b>	<b>33.304.919.019</b>	<b>-</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.438.073.116	3.090.059.551
Số trích lập trong năm	1.272.171.814	-
Số hoàn nhập trong năm	-	(651.986.435)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.710.244.930</b>	<b>2.438.073.116</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	211.392.654.717	950.914.561.275	35.342.390.692	13.162.258.326	3.813.489.190	1.214.625.354.200
Tăng trong năm	-	2.874.495.155	133.785.000	69.450.000	-	3.077.730.155
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	-	995.611.145	-	-	995.611.145
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang (Thuyết minh 14)	837.540.885	24.245.064.012	3.609.482.685	1.098.330.775	1.033.830.420	30.824.248.777
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16)	435.697.594	-	-	-	-	435.697.594
Thanh lý trong năm	(801.622.594)	(7.978.776.046)	-	(219.090.909)	-	(8.999.489.549)
Số dư cuối năm	211.864.270.602	970.055.344.396	40.081.269.522	14.110.948.192	4.847.319.610	1.240.959.152.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	132.512.412.948	723.300.969.722	27.443.973.437	12.023.737.041	2.837.529.371	898.118.622.519
Khấu hao trong năm	11.287.835.479	61.747.192.350	2.635.135.856	627.064.128	352.105.445	76.649.333.258
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	-	374.365.880	-	-	374.365.880
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16)	129.714.535	-	-	-	-	129.714.535
Thanh lý trong năm	(801.622.594)	(7.978.776.046)	-	(219.090.909)	-	(8.999.489.549)
Số dư cuối năm	143.128.340.368	777.069.386.026	30.453.475.173	12.431.710.260	3.189.634.816	966.272.546.643

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Giá trị còn lại</b>									
Số dư đầu năm	78.880.241.769	227.613.591.553	7.898.417.255	1.138.521.285	975.959.819	316.506.731.681			
Số dư cuối năm	68.735.930.234	192.985.958.370	9.627.794.349	1.679.237.932	1.657.684.794	274.686.605.679			

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 570.969 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 540.414 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 21.119 triệu VND (1/1/2023: 25.901 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	66.298.132.171	995.611.145	67.293.743.316
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	-	(995.611.145)	(995.611.145)
Số dư cuối năm	66.298.132.171	-	66.298.132.171
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.382.715.200	254.002.665	8.636.717.865
Khấu hao trong năm	8.287.266.522	120.363.215	8.407.629.737
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	-	(374.365.880)	(374.365.880)
Số dư cuối năm	16.669.981.722	-	16.669.981.722
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	57.915.416.971	741.608.480	58.657.025.451
Số dư cuối năm	49.628.150.449	-	49.628.150.449

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	23.114.143.021	10.387.905.852	5.218.778.656	38.720.827.529
Tăng trong năm	-	364.000.000	-	364.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	92.000.000	-	92.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.114.143.021</b>	<b>10.843.905.852</b>	<b>5.218.778.656</b>	<b>39.176.827.529</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	15.600.175.698	10.039.342.978	5.218.778.656	30.858.297.332
Khấu hao trong năm	379.598.964	223.818.410	-	603.417.374
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.979.774.662</b>	<b>10.263.161.388</b>	<b>5.218.778.656</b>	<b>31.461.714.706</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	7.513.967.323	348.562.874	-	7.862.530.197
Số dư cuối năm	7.134.368.359	580.744.464	-	7.715.112.823

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.235 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 14.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	85.392.592.894	36.108.430.868
Tăng trong năm	32.562.263.756	116.451.055.981
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(30.824.248.777)	(67.166.893.955)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	(92.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>87.038.607.873</b>	<b>85.392.592.894</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Máy móc và thiết bị	85.457.942.043	83.577.406.640
Các công trình khác	1.580.665.830	1.815.186.254
	87.038.607.873	85.392.592.894

## 15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023		1/1/2023	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng VND
Số dư đầu năm				
– điều chỉnh lại	195.706.590.961	3.827.800.663	9.428.152.396	208.962.544.020
Tăng trong năm	-	1.548.047.142	13.139.198.942	14.687.246.084
Phân bổ trong năm	(5.192.385.617)	(2.336.365.629)	(6.517.703.250)	(14.046.454.496)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	-	-	(305.983.059)	(305.983.059)
Số dư cuối năm	190.514.205.344	3.039.482.176	15.743.665.029	209.297.352.549

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 15.712 triệu VND (1/1/2023: 16.255 triệu VND) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 22).



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Dự phòng bảo hành	20%	2.025.603.274	1.844.058.740
Chi phí phải trả	20%	663.293.534	874.320.075
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	742.048.986	487.614.623
Chênh lệch tỷ giá chưa ghi nhận	20%	-	61.031.379
		<b>3.430.945.794</b>	<b>3.267.024.817</b>

**18. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND (Điều chỉnh lại)</b>
Trafigura Pte Ltd	67.477.496.877	-
Thai United Industry Company Ltd.	14.487.055.843	8.258.457.411
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	13.740.209.748	12.114.153.165
Baoding Golden Sunlight Power	6.293.888.700	6.216.131.550
Công ty TNHH Thye Míng (Việt Nam)	3.263.659.014	6.126.612.778
Guangxi Guiliu New Material Co., Ltd	6.695.036.000	7.942.178.800
Các nhà cung cấp khác	100.984.100.077	44.841.758.734
	<b>212.941.446.259</b>	<b>85.499.292.438</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	590.388.700	1.019.112.600
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	937.293.120	242.857.440
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	13.910.400	8.856.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND (Điều chỉnh lại)	Số phát sinh trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	682.257.470.690	(534.053.168.385)	(148.204.302.305)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.126.902.150 (312.730.289)	39.286.471.023 4.222.323.323	-	(39.886.397.156) (4.716.878.791)	10.526.976.017 (807.285.757)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.423.682.697)	17.089.602.484	-	(17.170.561.022)	(1.504.641.235)
	9.390.489.164	742.855.867.520	(534.053.168.385)	(209.978.139.274)	8.215.049.025

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	86.434.794.707	559.704.983.680	(534.053.168.385)	112.086.610.002



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	10.397.805.834	8.719.947.592
Chi phí bảo hiểm	9.447.925.240	-
Chi phí vận chuyển	2.318.519.338	2.559.319.152
Chi phí lãi vay	1.394.291.954	2.143.328.953
Các khoản chi phí phải trả khác	2.382.866.217	3.097.341.391
	<hr/>	
	25.941.408.583	16.519.937.088
	<hr/>	

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	369.286.380	393.590.571
Cổ tức	24.196.783	20.388.765
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.060.155.966	2.264.019.150
	<hr/>	
	4.453.639.129	5.677.998.486
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.085.206.780.293	1.085.206.780.293	(115.626.172)	1.014.877.656.333
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	31.741.671.868	31.741.671.868	(31.741.671.868)	24.369.198.719
	1.149.448.452.161	1.149.448.452.161	(115.626.172)	1.071.746.855.052

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHD/VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hợp đồng này chưa được hoàn tất gia hạn.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
		2023	2022		
<b>Vay ngân hàng không có đảm bảo</b>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	3,5%	5,0%-7,8%	602.718.281.975	428.979.756.763
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	4,0%	2,7%-3,7%	54.345.394.983	165.708.416.261
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	6,0%	7,5%-8,4%	44.825.244.422	13.840.405.364
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	-	3,0%-3,6%	-	200.489.630.558
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	4,3%-5,0%	6,25%-8,5%	102.838.306.984	91.487.827.799
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	2,0%-4,0%	5,2%-7,32%	75.929.104.950	37.228.572.398
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	VND	-	7,5%	-	36.440.736.689
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	USD	3,6%-3,9%	4,7%	22.912.359.878	2.722.968.379
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,5%-4,5%	6,5%-7,4%	84.466.231.999	35.683.848.009
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	-	5,4%	-	11.230.574.388
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	-	3,2%	-	34.937.467.092
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	VND	3,5%	5,5%-5,6%	26.842.731.142	26.456.576.593
				<b>1.014.877.656.333</b>	<b>1.085.206.780.293</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.073.828.020	75.815.499.888
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(24.369.198.719)	(31.741.671.868)
	<hr/>	
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	19.704.629.301	44.073.828.020
	<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
		2023	2022		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	7,4%	10,1%-10,2%	15.505.000.000	36.305.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	7,4%-9,4%	7,7%-9,8%	28.568.828.020	39.510.499.888
				<hr/>	
				44.073.828.020	75.815.499.888
				<hr/>	

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 21.119 triệu VND và 15.712 triệu VND (1/1/2023: 25.901 triệu VND và 16.255 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND
Trong vòng một năm	10.871.433.942	2.007.235.223	13.558.873.182	2.617.201.314
Trong vòng hai đến năm năm	22.320.339.303	2.615.710.002	33.069.397.877	4.500.569.857
	33.191.773.245	4.622.945.225	46.628.271.059	7.117.771.171
			28.568.828.020	39.510.499.888
				10.941.671.868
				28.568.828.020



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	9.220.293.701	10.324.167.290
Số trích lập trong năm	20.451.607.937	14.058.957.167
Số sử dụng trong năm	(19.543.885.268)	(15.162.830.756)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.128.016.370	9.220.293.701

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	25.385.982.007	14.669.289.218
Quỹ trích lập trong năm	14.792.007.527	17.758.396.588
Quỹ sử dụng trong năm	(12.831.175.669)	(7.041.703.799)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	27.346.813.865	25.385.982.007



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	163.061.814.555	854.138.200.891
Lợi nhuận thuần trong năm – điều chỉnh lại	-	-	-	156.387.589.460	156.387.589.460
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	86.913.482.942	(86.913.482.942)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.758.396.588)	(17.758.396.588)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b> <b>– điều chỉnh lại</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	145.069.963.985	923.059.833.263
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	115.202.344.188	115.202.344.188
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	43.422.997.580	(43.422.997.580)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.792.007.527)	(14.792.007.527)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(79.001.901.900)	(79.001.901.900)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024

Trong kỳ, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 200/PA-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2023.

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2023, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 79.002 triệu VND cho Cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF)	-	-	9.880.000	21,26%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	2.236.534	4,81%	2.331.234	5,02%
Các cổ đông khác	15.437.192	33,22%	5.462.492	11,75%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100%



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.423.565.652	3.992.154.320
Trong vòng hai đến năm năm	7.363.606.819	11.420.928.571
	<hr/> <b>11.787.172.471</b>	<hr/> <b>15.413.082.891</b>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	20.695.129.201	11.588.817.193
	<hr/> <b>20.695.129.201</b>	<hr/> <b>11.588.817.193</b>

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.621.791	39.052.710.424	1.110.566	26.053.888.681
EUR	249	6.553.510	259	6.400.845
		<hr/> <b>39.059.263.934</b>		<hr/> <b>26.060.289.526</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại)	2023 VND	2022 VND	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại)
Doanh thu	2.534.571.665.852	2.597.538.060.392	650.375.458.330	801.159.909.919	3.184.947.124.182	3.398.697.970.311
Giá vốn	2.149.145.793.805	2.262.354.035.065	602.048.959.207	652.936.390.132	2.751.194.753.012	2.915.290.425.197
	385.425.872.047	335.184.025.327	48.326.499.123	148.223.519.787	433.752.371.170	483.407.545.114

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	3.593.413.239.932	3.835.776.645.881
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	399.102.843.899	433.800.657.116
▪ Hàng bán bị trả lại	9.363.271.851	3.278.018.454
<hr/>		
	408.466.115.750	437.078.675.570
<hr/>		
Doanh thu thuần	3.184.947.124.182	3.398.697.970.311
<hr/> <hr/>		

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b>
Pin và ắc quy đã bán	2.639.692.319.803	2.912.834.628.063
Khuyến mãi có điều kiện	110.230.261.395	3.107.783.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.272.171.814	(651.986.435)
<hr/>		
	2.751.194.753.012	2.915.290.425.197
<hr/> <hr/>		

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	43.527.988.006	53.858.454.466
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.358.302.053	12.156.721.317
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.594.422.072	-
<hr/>		
	58.480.712.131	66.015.175.783
<hr/> <hr/>		

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	59.363.089.266	53.135.288.168
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.336.885.490	39.235.902.593
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.042.177.144
Chiết khấu thanh toán	-	2.494.475
	<hr/>	<hr/>
	75.699.974.756	94.415.862.380
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	43.007.695.542	42.564.514.179
Chi phí vận chuyển	32.933.450.306	41.643.746.407
Chi phí tiếp thị	26.235.769.469	25.808.126.920
Chi phí quảng cáo	28.664.144.104	22.878.882.785
Chi phí bảo hành	20.451.607.937	14.058.957.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.185.994.060	19.834.329.225
Chi phí bao bì	3.324.091.624	3.218.957.149
Chi phí khấu hao và phân bổ	892.254.717	2.142.960.020
Chi phí công cụ và dụng cụ	106.290.736	110.857.886
Chi phí bán hàng khác	21.235.221.790	18.736.277.527
	<hr/>	<hr/>
	202.036.520.285	190.997.609.265
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> (Điều chỉnh lại)
Chi phí nhân viên	30.111.866.337	28.025.261.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.508.253.496	13.251.712.700
Chi phí thuế	1.512.548.544	4.009.187.405
Chi phí khấu hao và phân bổ	728.137.050	785.344.566
Chi phí công cụ và dụng cụ	385.557.301	578.617.409
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(195.829.084)	180.472.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.636.384.201	12.202.611.648
	<hr/>	<hr/>
	60.686.917.845	59.033.207.071
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b>
Chi phí nguyên vật liệu	2.164.661.465.167	2.565.627.926.461
Chi phí nhân công và nhân viên	282.063.569.249	295.280.149.052
Chi phí khấu hao và phân bổ	85.660.380.369	91.336.873.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.900.406.371	127.212.818.286
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	233.106.465.028	238.852.789.497

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	31.662.541.749	45.688.630.454
Dự phòng thiếu trong các năm trước	7.623.929.274	2.561.730.562
	<b>39.286.471.023</b>	<b>48.250.361.016</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(163.920.977)	231.862.800
	<b>39.122.550.046</b>	<b>48.482.223.816</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	154.324.894.234	204.869.813.276
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.864.978.847	40.973.962.655
Chi phí không được khấu trừ thuế	633.641.925	338.548.872
Tăng chi phí thuế thu nhập do thanh tra Kiểm toán Nhà nước	-	4.607.981.727
Dự phòng thiếu trong các năm trước	7.623.929.274	2.561.730.562
	39.122.550.046	48.482.223.816

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2023	2022 (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	115.202.344.188	156.387.589.460
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(11.520.234.419)	(14.792.007.527)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	103.682.109.769	141.595.581.933
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.231	3.047

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 và năm 2022 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức	40.627.064.100	35.847.409.500
<b>Cổ đông lớn</b>		
<i>Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital</i>		
Cổ tức	-	9.303.380.000
<i>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF)</i>		
Cổ tức	9.880.000.000	-
<i>Furukawa Battery Co Ltd.</i>		
Phí bản quyền	2.682.428.609	2.984.499.170
Cổ tức	8.329.503.600	7.349.562.000
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành công</i>		
Cổ tức	-	4.290.151.500
<b>Bên liên quan khác</b>		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	5.870.295.260	13.224.941.900
<i>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	326.935.800	390.603.700
<i>Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix</i>		
Mua hàng hóa	14.076.480	9.263.232
<i>Công ty cổ phần Phân Bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	6.302.087.000	8.938.675.900
<i>Công ty Cổ phần Pin Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	459.847.080	-
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Ông Lê Hoàng	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Văn Năm	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	159.600.000	159.600.000
Ông Trần Thanh Văn	-	53.200.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	159.600.000	106.400.000

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	78.000.000	54.400.000
Bà Trần Thị Kiều Ly	-	27.200.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	78.000.000	81.600.000
 <i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Ông Tạ Duy Linh	705.032.920	417.226.021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	-	183.100.000
 <b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Tổng giám đốc	816.690.000	748.800.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc	1.062.420.000	276.000.000

### 39. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh nêu trên, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Năm 2023, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo kết quả kiểm toán số 33/TB-KTNN ngày 5 tháng 1 năm 2024, Công ty đã quyết định điều chỉnh thông tin so sánh tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. So sánh số liệu được báo cáo trước đó và được trình bày lại như sau:

#### (a) Bảng cân đối kế toán

	<b>1/1/2023</b>	<b>Điều chỉnh</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>(Điều chỉnh lại)</b>		<b>(Theo báo cáo trước đây)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản cố định hữu hình	316.506.731.681	504.307.208	316.002.424.473
<i>Nguyên giá</i>	1.214.625.354.200	521.351.427	1.214.104.002.773
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(898.118.622.519)	(17.044.219)	(898.101.578.300)
Tài sản cố định vô hình	7.862.530.197	(195.566.718.041)	203.429.248.238
<i>Nguyên giá</i>	38.720.827.529	(224.470.043.177)	263.190.870.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(30.858.297.332)	28.903.325.136	(59.761.622.468)
Chi phí trả trước dài hạn	208.962.544.020	195.706.590.961	13.255.953.059



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2023 (Điều chỉnh lại) VND	Điều chỉnh VND	1/1/2023 (Theo báo cáo trước đây) VND
<b>Nợ phải trả</b>			
Khoản phải trả người bán	85.499.292.438	(237.867.412)	85.737.159.850
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	9.390.489.164	5.374.034.892	4.016.454.272
Chi phí phải trả	16.519.937.088	(2.948.218.288)	19.468.155.376
Lợi nhuận chưa phân phối	145.069.963.985	(1.543.769.064)	146.613.733.049
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	<i>156.387.589.460</i>	<i>(1.543.769.064)</i>	<i>157.931.358.524</i>

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2022 VND (Điều chỉnh lại)	Điều chỉnh VND	2022 VND (Theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	2.915.290.425.197	(138.971.195)	2.915.429.396.392
Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.033.207.071	(3.453.427.221)	62.486.634.292
Thu nhập khác	1.153.259.411	237.867.412	915.391.999
Chi phí thuế TNDN hiện hành	48.250.361.016	5.374.034.892	42.876.326.124

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	2023 VND (Điều chỉnh lại)	Điều chỉnh VND	2022 VND (Theo báo cáo trước đây)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	204.869.813.276	3.830.265.828	201.039.547.448
<b>Điều chỉnh cho</b>			
Khấu hao và phân bổ	91.336.873.120	88.898.386	91.247.974.734
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(110.945.879.782)	(3.186.085.700)	(107.759.794.082)
Biến động chi phí trả trước	(2.849.938.878)	(206.313.100)	(2.643.625.778)

**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>2023 VND (Điều chỉnh lại)</b>	<b>Điều chỉnh VND</b>	<b>2022 VND (Theo báo cáo trước đây)</b>
--	---------------------------	--

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định (203.064.447.799) (526.765.414) (202.537.682.385)

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:

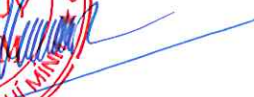


Nguyễn Hữu Quân  
Phó phòng Kế toán - Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
Phụ trách Kế toán



Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc



